CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Nhiệt điện Phả Lại

Ngày 31/12/2025	9,860 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.9%	**-2.9%**	**-**

DT thuần
Q4/25
1,593
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 96.0| 6.4%
YoY: ▼157| -9.0%

LN thuần
Q4/25
153
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 178| 707%
YoY: ▼28.0| -15.4%

LN sau thuế
Q4/25
126
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 140| 979%
YoY: ▼52.0| -29.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.1%
YoY: +/-▼ 2.7%

ROE
2025
3.8%
YoY: +/-▼ 5.2%

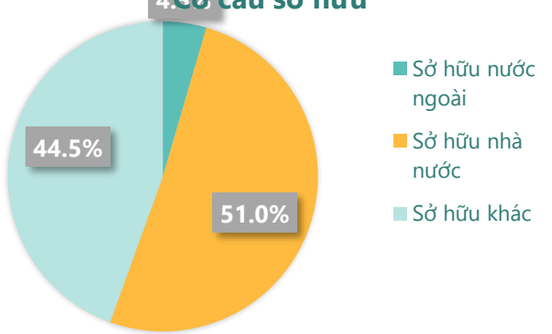
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,626 - 12,199
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,161
Số lượng CPLH (CP)	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	152,915
Sở hữu nước ngoài	4.5%
Beta	0.18
EPS	530
P/E	18.6

DT thuần
2025
6,566
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,115| -14.5%

LN thuần
2025
200
tỷ VNĐ
YoY: ▼211| -51.4%

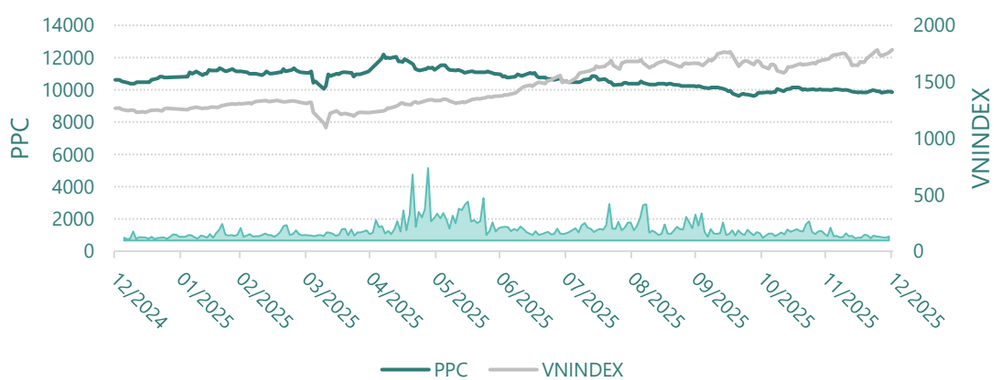
LN sau thuế
2025
170
tỷ VNĐ
YoY: ▼257| -60.2%

Cơ cấu sở hữu

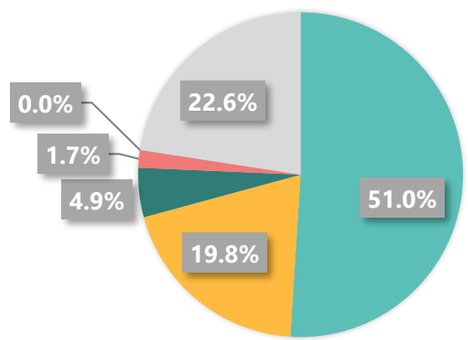


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

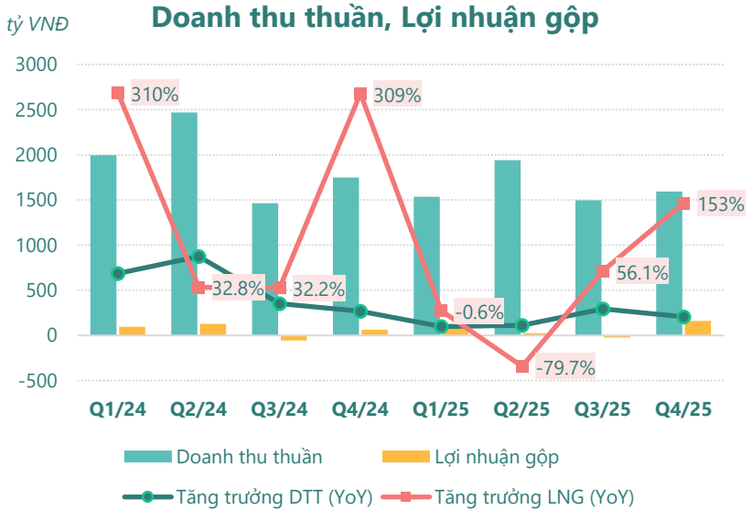


- Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP
- Công ty TNHH Năng lượng REE
- Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity
- CTCP Nhiệt điện Phả Lại
- Phạm Văn Thư
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

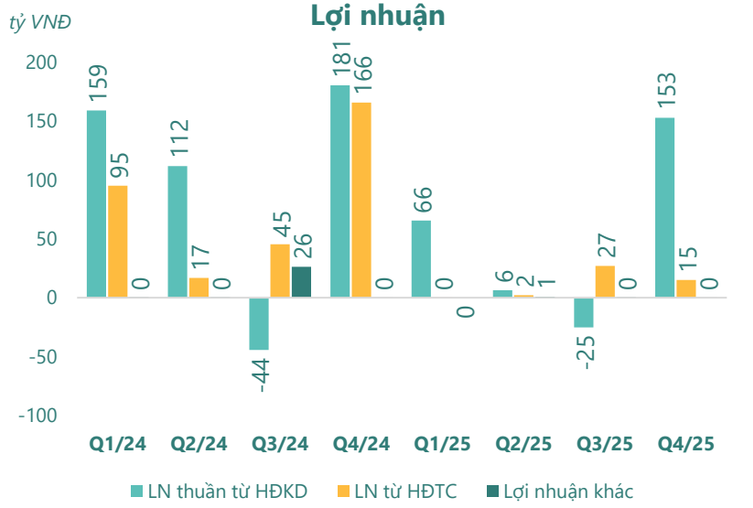
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



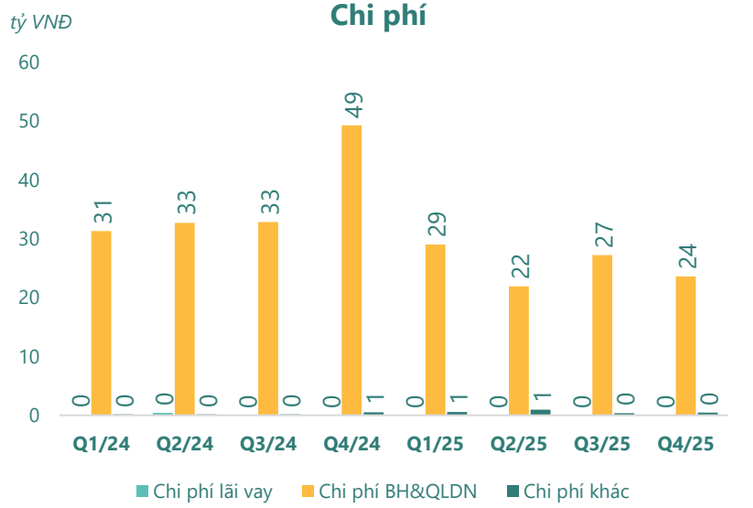
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



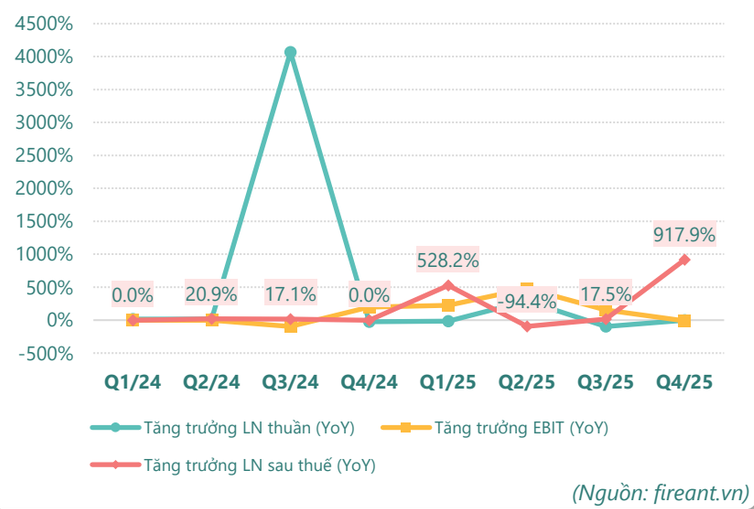
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



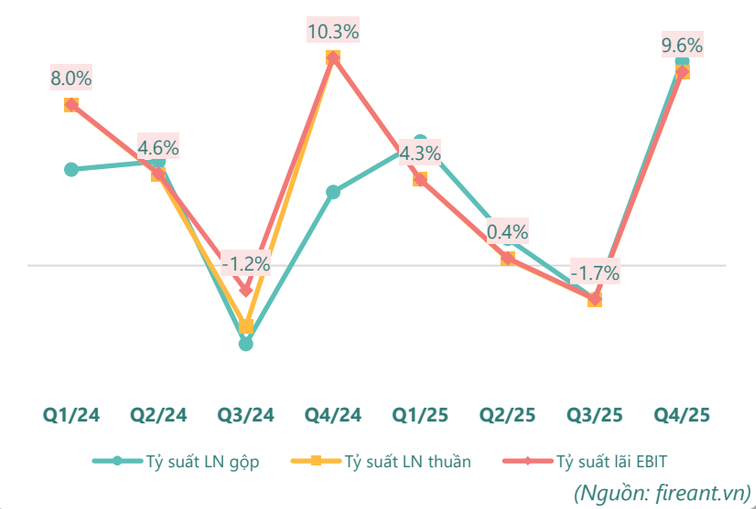
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



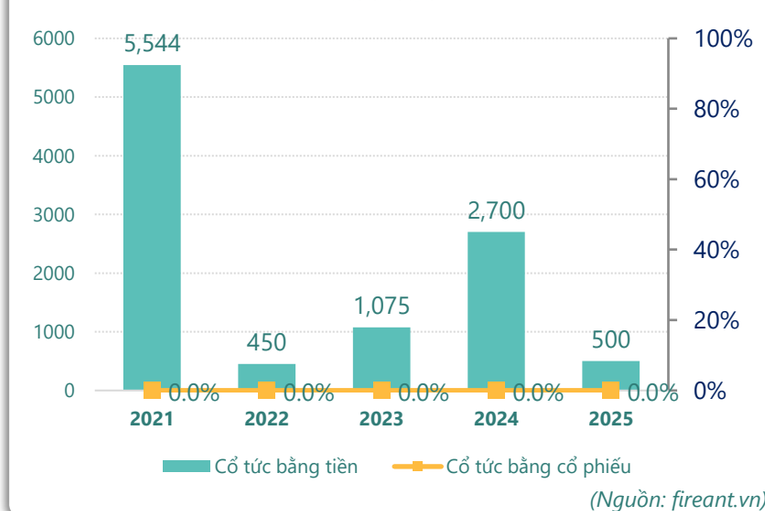
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

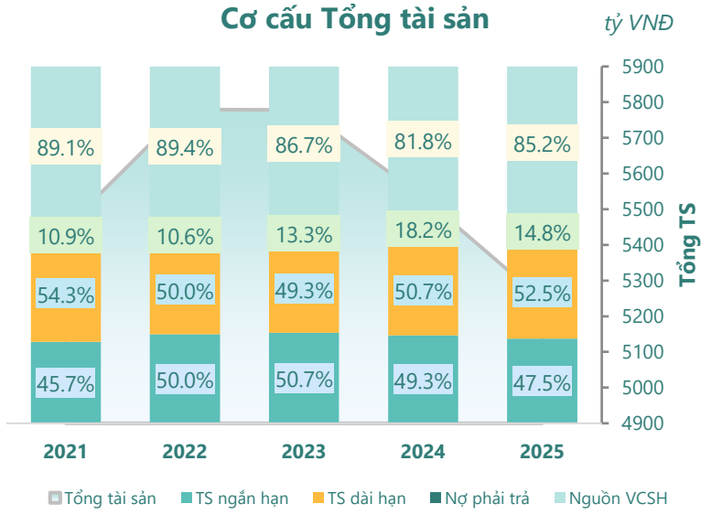
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

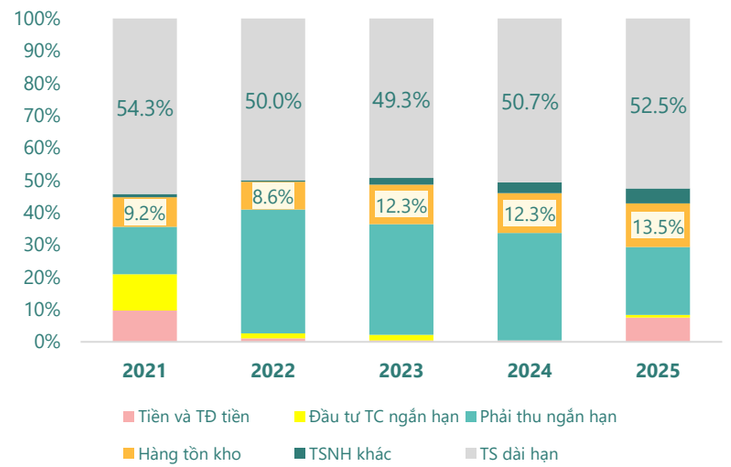
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



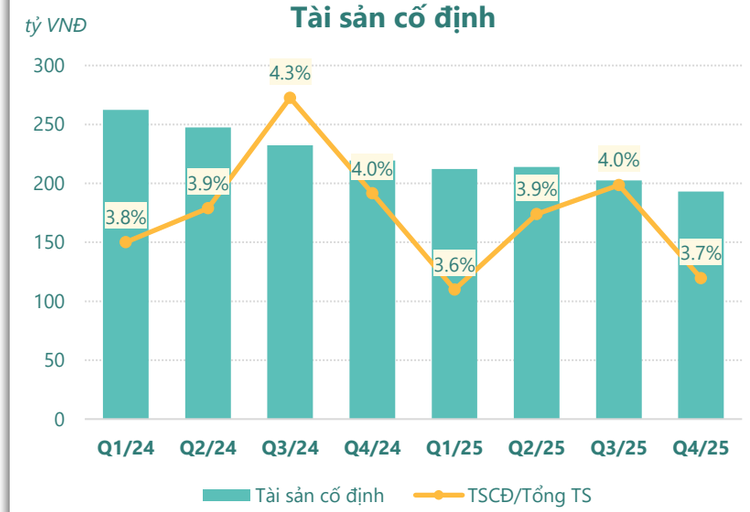
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



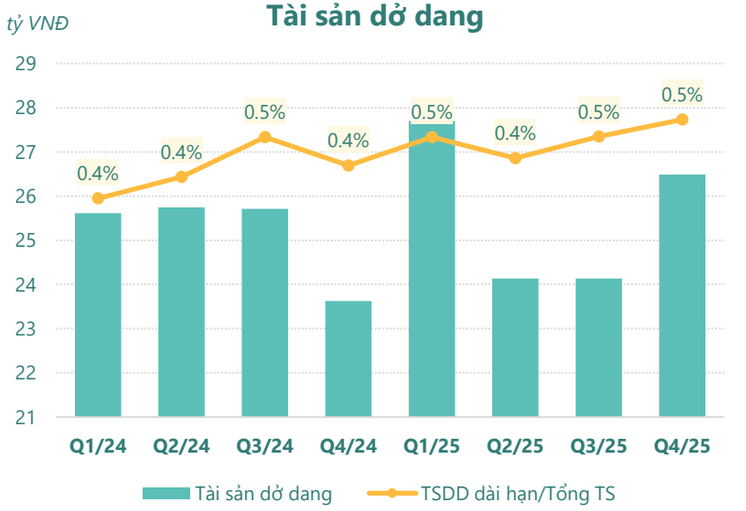
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



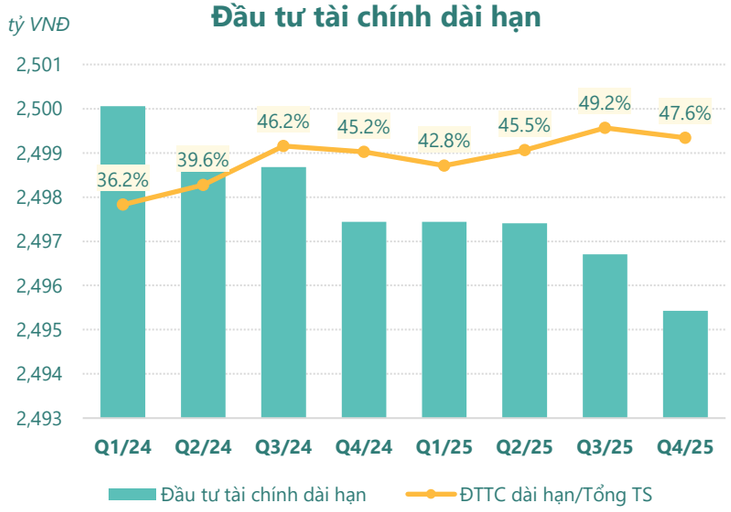
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



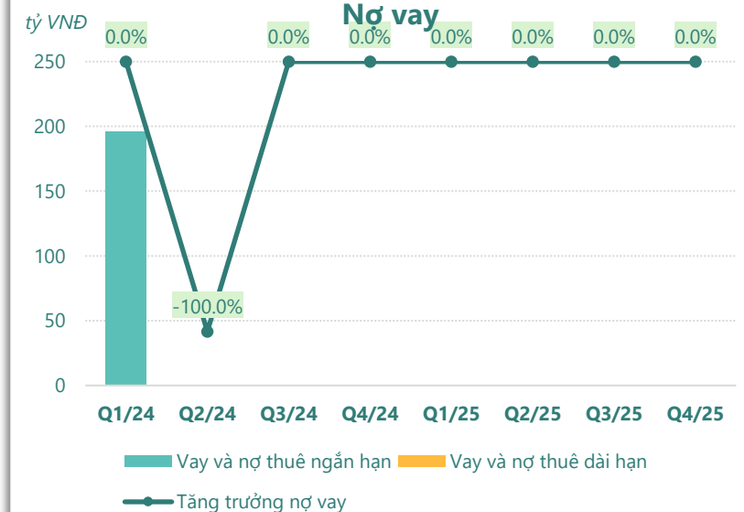
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

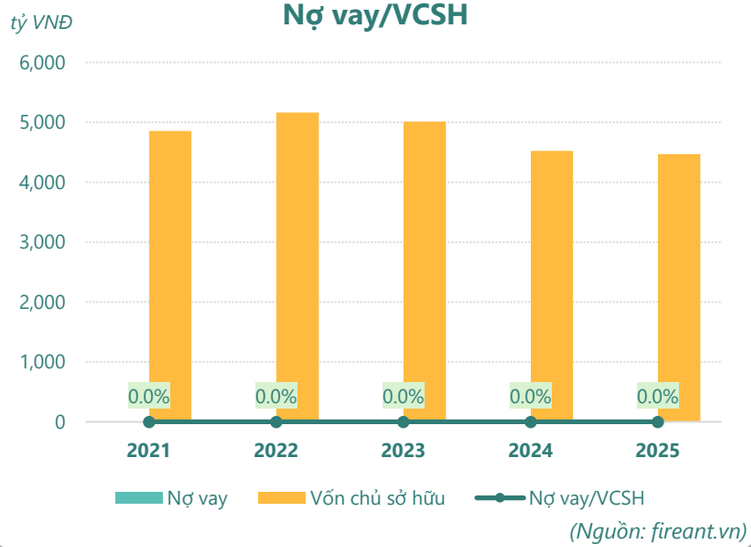
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

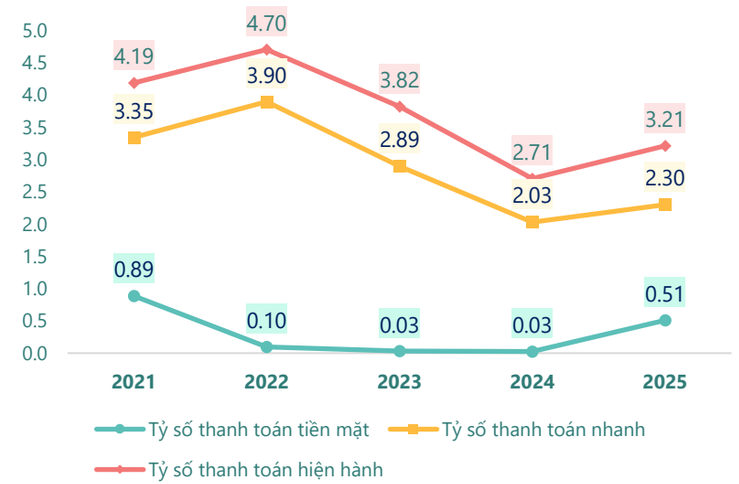
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



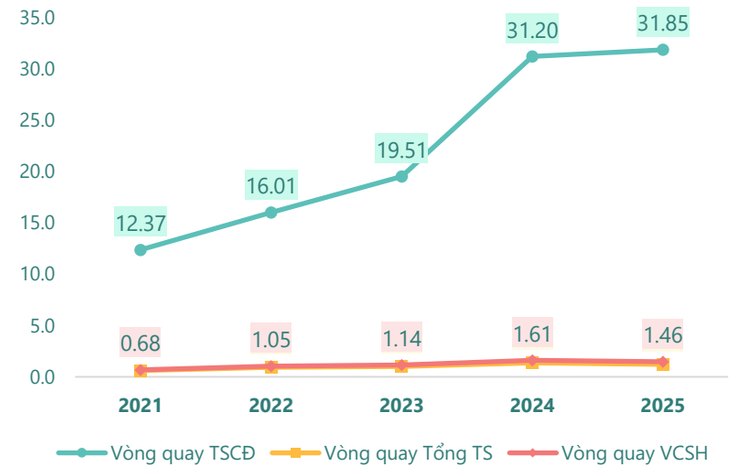
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



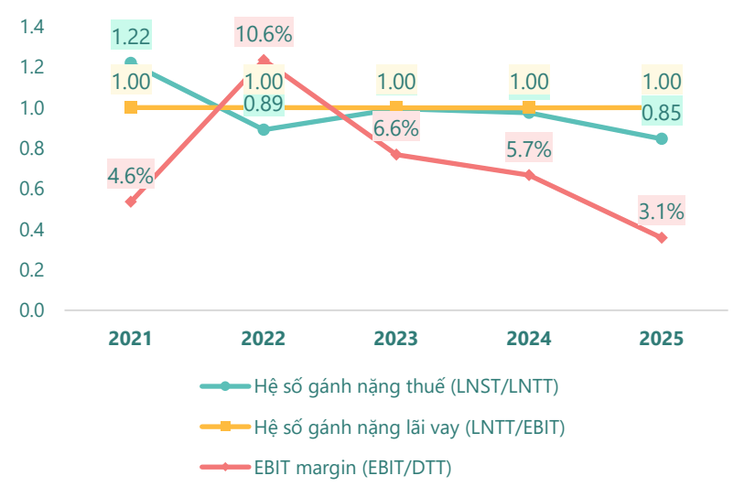
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



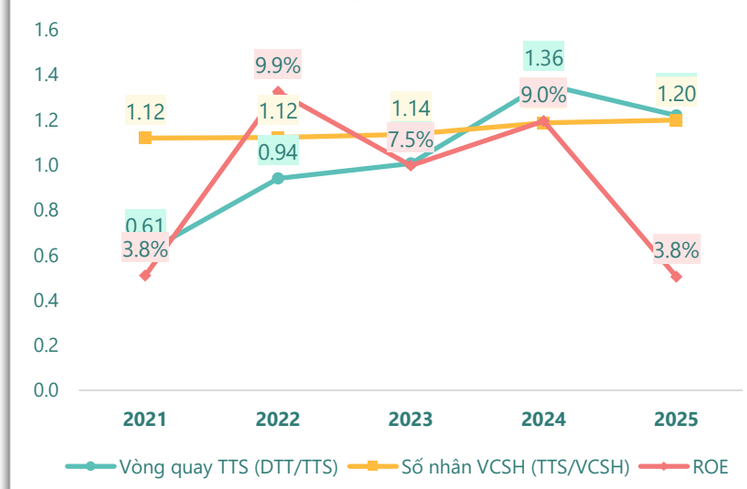
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



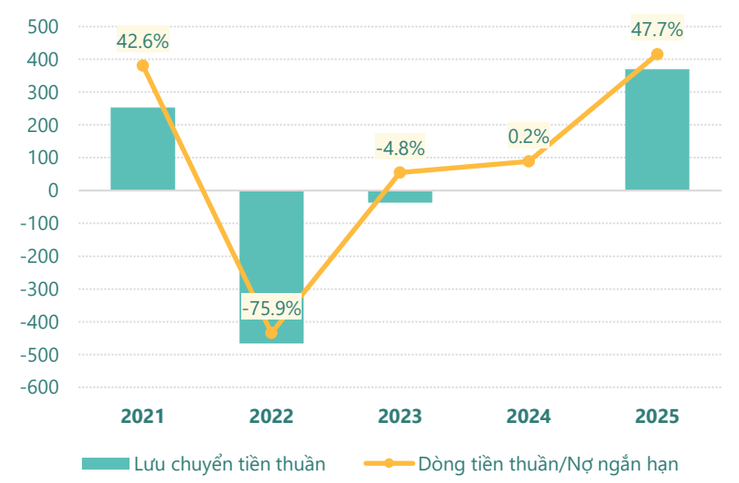
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,593**	**1,750**	**-9.0%**	**6,566**	**7,681**	**-14.5%**
Giá vốn hàng bán	1,431	1,686	-15.1%	6,309	7,453	-15.4%
Lợi nhuận gộp	162	63.9	153%	257	228	12.8%
Doanh thu HĐTC	16.4	167	-90.2%	46.4	327	-85.8%
Chi phí TC	1.30	1.25	3.8%	2.04	3.12	-34.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.48	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**23.6**	**49.3**	**-52.1%**	**102**	**140**	**-27.4%**
LN thuần từ HĐKD	153	181	-15.4%	200	411	-51.4%
Lợi nhuận khác	**0.06**	**0.01**	**511%**	**1.14**	**26.8**	**-95.7%**
LN trước thuế	153	181	-15.4%	201	438	-54.1%
Lợi nhuận sau thuế	**126**	**178**	**-29.4%**	**170**	**427**	**-60.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**126**	**178**	**-29.4%**	**170**	**427**	**-60.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	335	174	-49.4	6.78	19.7	343
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	46.9	38.7	95.1	5.92	38.2	-24.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-383	-200	-64.1	0	0	0.09
Tiền đầu kỳ	13.7	12.8	25.5	7.02	19.7	77.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.90**	**12.7**	**-18.4**	**12.7**	**57.9**	**318**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.8	25.5	7.02	19.7	77.6	395

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,246**	**5,534**	**-5.2%**
Tài sản ngắn hạn	2,490	2,730	-8.8%
Tiền và tương đương tiền	395	25.5	1453%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,102	1,838	-40.0%
Hàng tồn kho	707	682	3.6%
Tài sản ngắn hạn khác	246	185	33.2%
Tài sản dài hạn	**2,756**	**2,803**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	193	219	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	26.5	25.9	2.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,495	2,497	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**41.4**	**60.5**	**-31.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	775	1,009	-23.2%
Nợ ngắn hạn	**775**	**1,009**	**-23.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	664	799	-16.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,471**	**4,524**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**4,471**	**4,524**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)